

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2026/HS-ST**
Ngày: 28-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tôn Thất Quý;

Bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2026/HSST-QĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Nguyên T (Tên gọi khác: T1), sinh ngày 13/01/1989, tại thành phố H; Căn cước công dân số: 046089002347; nơi cư trú: Số A T, phường V, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Hoàng Thị T2 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2025;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 28/5/2025 cho đến nay. Có mặt.

2. Châu Thị T3, sinh ngày 16/10/1957, tại thành phố H; Căn cước công dân số: 046157005652; nơi cư trú: Số D T, phường V, thành phố H; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Khắc T4 (đã chết) và bà Phạm Thị S (đã chết); có chồng là Đoàn Đình D và 05 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1994;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/8/2025 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Ngô Ngọc V, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố H. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Nguyên T5, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A T, phường V, thành phố H. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A T, phường V, thành phố H. Vắng mặt.

+ Ông Từ Thiện C, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, KP1, phường T, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/3/2025, Nguyễn Nguyên T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 75C-079.12 chở bị cáo Châu Thị T3, sinh năm 1957, trú tại: Số D đường T, phường V, thành phố H và chị Ngô Thị Kim L, sinh năm 1968, trú tại: Số A đường T, phường V, thành phố H đi hướng V - Chùa Đ thuộc phường T, thành phố H để chị L làm từ thiện tại chùa Đ. Khi đến đoạn giao nhau với đường N (đoạn trước Đàn Nam G) thì T phát hiện xe ô tô mang biển kiểm soát 51L-087.26, do anh Từ Thiện C, sinh năm 1989, trú tại: Khu phố H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Nai (cũ) điều khiển chở anh Ngô Ngọc V, sinh năm 1981, trú tại thôn V, xã H, thành phố H, là người có nợ tiền T nhưng chưa trả, đang lưu thông trên đường N và đi ngược chiều với xe của T. Thấy vậy, T điều khiển xe ô tô quay lại và đuổi theo xe anh C, khi đến đoạn đường N, thuộc phường A (cách tượng đài Q khoảng 200 mét), T điều khiển xe ô tô vượt lên trước và chặn đầu xe ô tô biển số 51L-087.26 nên cả hai xe dừng lại. Sau đó, T xuống xe, tiếp theo là T3 và chị L cũng xuống xe rồi đi bộ đến cửa phụ phía trước xe ô tô 51L-087.26 và nhìn qua gương thì phát hiện anh V đang ngồi ở ghế phụ nên T yêu cầu anh V mở cửa xe. Khi anh V mở cửa xe ô tô thì Trác yêu cầu trả tiền nhưng anh V trả lời “Chưa có tiền trả nợ” nên T đã dùng chân và tay đánh vào người anh V. Thấy vậy, thì T3 và chị L liền xuống đi theo tới vị trí Trác đang đứng để can ngăn. Lúc này, T không dừng lại mà dùng tay phải đè anh V lên phần tựa lưng ghế phụ rồi dùng tay trái lấy ví tiền ở túi quần phía sau bên phải của anh V ra đưa cho T3 và nói T3 kiểm tra xem trong ví có tiền hay không. T3 kiểm tra và phát hiện trong ví có một tờ tiền đô la Mỹ, mệnh giá 01 (một) USD nhưng vì muốn chiếm đoạt 01 USD này nên T3 nói dối với T: “Không có tiền”; sau đó, T3 đã lấy tờ tiền có mệnh giá 01 USD trên cất vào túi áo khoác của mình rồi đưa ví lại cho T để T trả lại cho anh V. Tiếp đó, Trác lục soát người của anh V thì phát hiện trong túi quần phía trước bên phải có tiền nên lấy ra và đứng cạnh xe ô tô biển kiểm soát 51L-087.26 kiểm tra được số tiền 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), rồi T bỏ hết số tiền này vào trong túi quần của mình.

Trong lúc T đang kiểm tra tiền lấy được từ anh V thì anh C điều khiển xe ô tô chạy đi; Trác thấy vậy nên đi đến điều khiển xe ô tô chắn giữa đường không cho xe ô tô của anh C chạy. Khi thấy xe của anh C dừng lại thì T xuống xe rồi đi đến mở cửa phụ ghế trước và tiếp tục dùng chân, tay đánh anh V. Lúc này, T3 can ngăn Trác, còn chị L nói với anh V: “Chừ em rặng, em xuống xe đi” với mục đích nói để anh V xuống xe giải quyết mâu thuẫn, tránh bị đánh thêm nhưng anh V đóng cửa xe ô tô lại và anh C điều khiển xe ô tô chở anh V đi. T tiếp tục chạy bộ đuổi theo và dùng tay đánh hai cái vào cửa xe ô tô, rồi quay lại xe ô tô của mình chở chị L cùng T3 lên chùa Đ để chị L đi làm từ thiện.

* Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 165/25/KLTTCT ngày 21/04/2025 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y thành phố H, kết luận:

- Kết quả khám giám định: Tổn thương sung nề, bầm tím vùng trán trái đã lành, không còn dấu vết, không ảnh hưởng chức năng: 0%

- Kết luận:

+ Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Ngô Ngọc V tại thời điểm giám định là 0% (không phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Vật gây, cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương sung nề trán trái phù hợp do vật tày tác động.

* Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

- Tiền ngân hàng N: 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng); gồm: 01 (một) tờ tiền mệnh giá: 500.000 đồng; 04 (bốn) tờ tiền mệnh giá: 200.000 đồng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá: 50.000 đồng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá: 20.000 đồng;

- Tiền ngoại tệ mệnh giá 01 (một) USD, có số seri H88100008B; tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 03/3/2025 có tỷ giá là 24.785đ (Hai mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại số tiền 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) và số tiền ngoại tệ 01 (một) USD cho chủ sở hữu là bị hại Ngô Ngọc V.

- 01 (một) đĩa DVD-R120min/4.7GB, nhãn hiệu Maxwell có chứa 03 (ba) đoạn ghi hình với thời lượng lần lượt là 15 giây, 29 giây và 33 giây ghi lại nội dung diễn biến vụ án. Đang lưu theo hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ngô Ngọc V đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Tuy nhiên, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), bị cáo T3 tự nguyện bồi thường số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho bị hại V. Sau khi nhận được tài sản bị hại V không có yêu cầu gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo T3.

Tại bản cáo trạng số 108/CT-VKSKV1 ngày 10 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố các bị cáo Nguyễn Nguyên T và Châu Thị T3 về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nguyên T và Châu Thị T3 phạm tội “Cướp tài sản”.

- + Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Nguyên T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- + Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Châu Thị T3 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Nguyên T, Châu Thị T3 thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/3/2025, tại đường N, phường A, thành phố H (đoạn cách tượng đài Quang Trung khoảng 200 mét), Nguyễn Nguyên T đã có hành vi dùng vũ lực cùng với Châu Thị T3 cướp tài sản 1.394.785đ (Một triệu ba trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng) của ông Ngô Ngọc V.

Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố các bị cáo Nguyễn Nguyên T, Châu

Thị T3 về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thấy rằng: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cướp tài sản là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp và có khả năng xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ; đồng thời, hành vi này còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, bị cáo Nguyễn Nguyên T là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên phải chịu trách nhiệm chính; bị cáo Châu Thị T3 có hành vi giúp cho bị cáo T thực hiện tội phạm, nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm là người thực hành.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Các bị cáo Nguyễn Nguyên T và Châu Thị T3 có nhân thân tốt, không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Nguyễn Nguyên T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Ngô Ngọc V số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo Châu Thị T3 tự nguyện bồi thường cho bị hại Ngô Ngọc V số tiền 500.000 đồng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Nguyên T có 03 con nhỏ đều dưới 15 tuổi, nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

[5.1] Bị cáo Nguyễn Nguyên T là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu hình phạt nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo có nhân thân tốt, không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo là phù hợp, đúng quy định và thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[5.2] Bị cáo Châu Thị T3 là đồng phạm, chỉ có vai trò thứ yếu trong vụ án. Bị cáo có nhân thân tốt, không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, đúng quy định và thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[5.3] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Nguyễn Nguyễn T, Châu Thị T3 không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ngô Ngọc V không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) đĩa DVD-R120min/4.7GB, nhãn hiệu Maxwell có chứa 03 (ba) đoạn ghi hình với thời lượng lần lượt là 15 giây, 29 giây và 33 giây ghi lại nội dung diễn biến vụ án, là tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm, nên cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Nguyễn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Châu Thị T3 là người cao tuổi, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Nguyễn T, Châu Thị T3 phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Nguyễn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Châu Thị T3 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Châu Thị T3 cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD-R120min/4.7GB, nhãn hiệu Maxwell có chứa 03 (ba) đoạn ghi hình với thời lượng lần lượt là 15 giây, 29 giây và 33 giây ghi lại nội dung diễn biến vụ án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Nguyên T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Châu Thị T3.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- Phòng PV06 CA thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Huế;
- Cơ quan THAHS CA thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hiếu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA